TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2025
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Ngọc Dung
2. Bà Lê Thị Tâm

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7-Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 và Quyết định Hoãn phiên tòa số:13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T; Sinh năm: 1999 (2000)
HKTT: Thôn H, xã T, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ hiện nay: Thôn E, xã Ng, tỉnh Thanh Hóa.
Số CCCD: 038199017330
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Bị đơn: Anh Bùi Văn H; Sinh năm: 1995
HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn H, xã T, tỉnh Thanh Hóa.
Số CCCD: 038095031320; Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2025 và bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 12/9/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được khoảng 5 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng bàn bạc với nhau đi làm ăn xa để cải thiện kinh tế gia đình. Tuy nhiên, khi đi làm được một thời gian thì anh H có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh H vẫn chứng nào tật nấy. Cuộc sống hôn nhân như vậy kéo dài khiến cho chị cảm thấy mệt mỏi và chán nản. Chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn,

không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Văn V, sinh ngày 19/9/2018 và Bùi Thị L, sinh ngày 27/11/2021. Từ khi vợ chồng sống ly thân các cháu luôn ở với anh H và ông bà nội. Mặt khác, do chị chưa có chỗ ở ổn định nên chị đề nghị giao cả 02 con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), hai cháu là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Tuyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản trình bày ý kiến ngày 05/9/2025, anh Bùi Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị T có đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2023 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh và chị T đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung như chị T trình bày. Hiện nay cả 02 con đang ở với anh. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị T đề nghị.

- Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn H; Về con chung: Giao cháu Bùi Văn V, sinh ngày 19/9/2018 và Bùi Thị L, sinh ngày 27/11/2021 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng cho mỗi cháu số tiền là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), hai cháu là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh H

vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp vắng mặt anh H và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh H.

[5]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa ngày 12/9/2018 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2023 năm thì sảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hòa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị T và anh H đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này cả chị T và anh H đều thừa nhận, đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận là đúng thực tế và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn H được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, từ khi vợ chồng sống ly thân các cháu vẫn ở với anh H. Bản thân chị T không có nơi ở và công việc ổn định. Mặt khác, anh H cũng đề nghị được nuôi cả 02 cháu. Do đó, để tranh sự xáo trộn trong cuộc sống và học tập của các cháu, nghĩ nên tiếp tục giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng mỗi cháu là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), hai cháu là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[7]. Về tài sản: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Văn V, sinh ngày 19/9/2018 và Bùi Thị L, sinh ngày 27/11/2021 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng cho mỗi cháu số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), hai cháu là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 09 năm 2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

Khoản tiền cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù bản có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3**.** Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7-Thanh Hóa), theo biên lai số: BLTU/24/0003924 ngày 26/6/2025. Chị T còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn H. Chị T và anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7-Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc